TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 980/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Lê Thị Xin

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hoàng Phước – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê Minh Đ (có mặt)

Thường trú: A ấp T, xã B, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh

Tạm trú: S, ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị Minh C (vắng mặt)

Thường trú: A ấp T, xã B, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Minh Đ trình bày:

Ông Lê Minh Đ và bà Lê Thị Minh C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1978 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H (nay là UBND xã B, huyện H) nhưng Bộ lưu kết hôn năm 1978 xã Tân Thới Nhứt đã bị mất nên ông Đ không thể trích lục đăng ký kết hôn để cung cấp cho Tòa án.

Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng ông Đ, bà C chung sống hạnh phúc. Sau đó, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay tranh cãi và không tìm được tiếng nói chung. Ông Đ và bà C cũng cố gắng hàn gắn gia đình nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ tháng 5/2010 cho đến nay. Nay ông Đ nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương,

quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên yêu cầu ly hôn với bà C.

- Về con chung: Ông Đ và bà C có 02 con chung tên Lê Thành V (sinh năm 1979) và Lê Thị Minh T (sinh năm 1982). Các con đều đã trưởng thành nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo nội dung tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Lê Thị Minh C trình bày:

Bà C và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1978 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H (nay là UBND xã B, huyện H), nhưng Bộ lưu kết hôn năm 1978 xã T hiện nay đã bị mất.

Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng ông Đ, bà C chung sống hạnh phúc nhưng sau đó, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình của ông Đ gia trưởng. Đến năm 2010, ông Đ đã bỏ nhà đi và vợ chồng không còn chung sống từ đó cho đến nay. Bà C không đồng ý ly hôn với ông Đ vì bà C đã lớn tuổi và đang bị bệnh nặng, ngoài ra bà C muốn các con có cha mẹ đầy đủ.

- Về con chung: Bà C và ông Đ có 02 con chung tên Lê Thành V (sinh năm 1979), Lê Thị Minh T (sinh năm 1982). Các con đều đã trưởng thành nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do.

Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh Đ và bà Lê Thị Minh C chung sống với nhau từ năm 1978 nên căn cứ quy định điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà C là hôn nhân hợp pháp, nếu một bên có yêu cầu ly hôn, thì Toà án thụ lý vụ án và giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của ông Đ: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, có đủ cơ sở xác định trong thời gian chung sống giữa ông Đ và bà C thực tế có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2010 cho đến nay. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về các phiên hòa giải nhưng bà C vẫn không tiếp tục đến tòa án tham gia hòa giải. Điều này chứng tỏ bà C không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau. Tại phiên tòa, ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà C. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của ông Đ và bà C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho ông Đ được ly hôn với bà C.

[6] Về con chung: Bà C và ông Đ có 02 con chung tên Lê Thành V (sinh năm 1979), Lê Thị Minh T (sinh năm 1982). Các con chung hiện nay đều đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Lê Minh Đ được ly hôn với bà Lê Thị Minh C.

2/ Về con chung: Bà C và ông Đ có 02 con chung tên Lê Thành V (sinh năm 1979) và Lê Thị Minh T (sinh năm 1982). Các con chung hiện nay đều đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí: Ông Đ phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà ông Đ đã nộp theo biên lai số AA/2016/0030074 ngày 17/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã B, H.H;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam